

NGHI LỄ THỜ CÙNG *HRÔI* CỦA NGƯỜI KHƠ MÚ Ở HUYỆN KỲ SƠN, TỈNH NGHỆ AN

Tóm tắt: Trong bài viết này, chúng tôi trình bày về quan niệm, vai trò, vị trí của *hrôi* trong đời sống tín ngưỡng của người Khơ Mú ở Nghệ An. Theo quan niệm của người Khơ Mú mọi sinh hoạt trong đời sống đều bị chi phối bởi thế lực siêu nhiên được họ gọi là *hrôi*. *HRÔI* vừa là thế lực bảo vệ che chở cho con cháu nếu con cháu kính trọng, tôn thờ, tuy nhiên cũng sẽ là thế lực gây ra ốm đau bệnh tật nếu con cháu thiếu sự tôn trọng. Bởi vậy, trong đời sống của người Khơ Mú, *hrôi* có một vị trí rất quan trọng chi phối mọi hành động và việc thực hành các nghi lễ tín ngưỡng của đồng bào. Theo thời gian những quan niệm về *hrôi* dần thay đổi cùng với sự thay đổi về đời sống kinh tế, xã hội. Tuy nhiên, việc thực hành các nghi lễ thờ cúng *hrôi* vẫn là sinh hoạt tín ngưỡng chính trong đời sống của đồng bào. Bài viết hy vọng sẽ gợi mở để có những nghiên cứu chuyên sâu về đời sống tâm linh, tín ngưỡng của người Khơ Mú.

Từ khóa: Nghi lễ; *hrôi*; người Khơ Mú.

Dẫn nhập

Huyện Kỳ Sơn nằm về phía Tây Nam xứ Nghệ với 2.094,84 km² diện tích tự nhiên, có 192 km đường biên giới chung với Lào ở 3 phía: Tây, Nam, Bắc; với dân số: 69.524 người¹, trong đó dân tộc thiểu số chiếm 94.4% dân số toàn huyện. Kỳ Sơn có vị trí chiến lược quan trọng phía Tây Nam của tỉnh Nghệ An, có quốc lộ 7A chạy qua, cửa khẩu Quốc tế Nậm Cắn kết nối với tỉnh Xiêng Khoảng (Lào). Là địa bàn cộng cư của các dân tộc Thái, Khơ Mú, Mông và Kinh, trong đó ba dân tộc (Thái, Khơ Mú, Mông) có dân số tương đương nhau. Do

* Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Ngày nhận bài: 10/9/2018; Ngày biên tập: 14/9/2018; Ngày duyệt đăng: 25/9/2018.

vậy, trong cuộc sống hằng ngày và sinh hoạt văn hóa luôn có sự đan xen, hòa lẫn tạo thành bản sắc rất riêng.

Người Khơ Mú ở huyện Kỳ Sơn có dân số gần 23 nghìn người, chiếm 65% người Khơ Mú ở Nghệ An. Theo sử liệu, người Khơ Mú đã có mặt ở Nghệ An cách đây khoảng 200 năm (8 - 10 đời), qua thời gian sinh sống và ảnh hưởng sâu đậm văn hóa Thái, nhưng họ vẫn giữ nhiều bản sắc văn hóa riêng. Một trong những bản sắc vẫn còn được bảo lưu chính là quan niệm và tục thờ cúng *hroi*, một căn cước tạo nên bản sắc văn hóa của họ. Quan niệm về *hroi* của người Khơ Mú có điểm tương đồng trong quan niệm về thế giới “ma” của người Kinh hay “phi” trong đời sống tâm linh của người Thái. Tuy nhiên, *hroi* theo quan niệm của người Khơ Mú thường được hòa lẫn vào đời sống tín ngưỡng, về thế giới đa thần và sự sùng bái thiên nhiên hay trong các tín ngưỡng nông nghiệp nương rẫy đặc trưng. Bởi vậy, trong bài viết này, chúng tôi góp phần làm rõ quan niệm của người Khơ Mú về *hroi*, tục thờ cúng và bước đầu nói về sự thay đổi tập tục thờ cúng *hroi* trong bối cảnh hiện nay.

1. Quan niệm của người Khơ Mú về *Hroi*

Theo quan niệm của người Khơ Mú, các thế lực siêu nhiên như ma tổ tiên, ma rừng, ma núi, ma bản... đều được họ gọi là *hroi*. Tuy nhiên, người Khơ Mú ở Việt Nam chưa có giải thích rõ ràng về vũ trụ quan như giải thích của người Thái, người Kinh,... Họ cho rằng, mọi hoạt động sống của con người đều do các ma được họ gọi là *hroi* chi phối. Ma lạnh mang điềm lạnh, ma dữ mang điềm dữ đến cho họ. Trên trời, ma to nhất trong các ma là ma trời (*Hroi yvang*). Ma trời có sét (*chundra*) để tạo ra mưa, gió hay lũ lụt. Dưới đất có ma đất (*hroi ptê*) có quyền khiến ma bản (*hroi cung*), ma rẫy (*hroi hré*), ma rừng (*hroi bri*), ma tổ tiên (*tạ dạ*), ma nhà (*hroi gang*), *chun đrai* (sấm sét), v.v...

Trong các loại *hroi* thì *hroi yvang* (ma trời) là loại ma lớn nhất, đáng kính trọng nhất và cũng đáng sợ nhất. Mặc dầu quyền uy lớn nhất, nhưng *hroi yvang* không tác động đến toàn bộ đời sống con người và muôn vật trên đất. Do đó cũng chưa được người Khơ Mú coi là đáng sáng tạo ra trời đất và muôn loài. Chính vì thế, người Khơ Mú

quan niệm *hrôi yvang* là loại ma trời rất chung, chưa được hiểu đầy đủ như khái niệm thần ở các dân tộc khác.

Loại ma thứ hai là *hrôi ptê* nghĩa là ma đất. *Hrôi ptê* được gọi là tinh linh của hòn đất, hòn đá hay lực lượng siêu nhiên trú ngụ trong đó. Dưới quyền ma đất còn có ma rừng, ma nương, ma bản... Người Khor Mú quan niệm trời và đất là một khối thống nhất nhưng lại là hai lực lượng đối lập nhau giống như âm - dương trong quan niệm của người Kinh và các dân tộc khác. Hai mặt đối lập nhưng thống nhất với nhau để hình thành một thể thống nhất.

Loại ma thứ ba là *prur đồng* (ma thường luồng) tượng trưng cho quyền lực của nước hay sông suối cụ thể. Người Khor Mú tin rằng ở nước có một con vật “huyền thoại” màu ngũ sắc, có bốn chân, mình có vẩy, hình rắn, đó chính là thường luồng.

Loại ma thứ tư là *rvai* (con hổ) là ma chúa tể của rừng núi cai quản tinh linh của muông thú.

Đó là những siêu linh mang điều lành mà bất cứ dịp cúng nào cũng được người Khor Mú nhắc đến. Tuy nhiên, họ cũng quan niệm nếu con người ăn, ở tốt với các loại ma thì nó sẽ phù hộ cho mưa thuận gió hòa, đất đai màu mỡ tươi tốt, nhưng nếu làm phật ý các loại ma, thì nó sẽ gây ra tai họa trừng phạt con người.

Trong nhận thức cũng như trong đời sống hàng ngày, người Khor Mú chịu sự chi phối bởi những tín ngưỡng của dân tộc mình và của cả các dân tộc xung quanh, đặc biệt là dân tộc Thái. Tuy nhiên, sự vay mượn trong lĩnh vực tôn giáo, tín ngưỡng giữa họ và người Thái cũng không thể làm mờ nhạt đi những nét riêng biệt của dân tộc.

Trong đời sống của người Khor Mú, Hồn linh giáo có ảnh hưởng đậm nét đến đời sống tín ngưỡng của đồng bào. Họ tin rằng, mỗi một ngọn núi, con suối, cái cây, hòn đá... đều có linh hồn mà họ gọi là “ma”. Ma là đại diện cho sức mạnh của thần linh luôn phải kính trọng. Vì vậy, người Khor Mú luôn có ý thức kiêng kỵ và thực hiện các nghi lễ theo đúng ý nghĩa của nó.

Bên cạnh những loại ma lành, người Khor Mú còn cho rằng có nhiều loại ma ác mang điều xấu và cũng được gọi là *hrôi*. Theo họ, những loại ma này thường làm cho con người đau yếu, hoặc không

cứng rắn nên mất hồn, dễ bị bắt nạt, ăn hiếp. Ví dụ khi đi đường gặp một hòn đá lăn xuống làm người đó mất hồn và về nhà bị ốm, thì hôm sau họ có thể đến ngay chỗ hòn đá đó để gọi hồn vía về nhà và tìm cách xua đuổi con ma ác đó đi.

3. Nghi lễ thờ cúng *hôi*

3.1. Nghi lễ thờ tổ tiên (*hôi tạ dạ*)

Nghi lễ quan trọng nhất đối với người Khơ Mú ở Nghệ An là nghi lễ thờ cúng tổ tiên của các dòng họ - *hôi tạ dạ*. Khác với các dân tộc khác - bàn thờ thường được bố trí ở vị trí trang trọng nhất trong ngôi nhà, bàn thờ tổ tiên của người Khơ Mú lại được đặt ở bếp trong nhà, phần sau cùng của ngôi nhà. Theo ông Moong Văn Nghệ (74 tuổi), ma nhà của người Khơ Mú bao gồm hồn bố mẹ - *hôi gang*, hồn ông bà tổ tiên - *hôi tạ dạ*. Trong đó, hồn bố mẹ trực tiếp tác động và chi phối toàn bộ đời sống gia đình, từ sức khỏe con cháu, công việc làm ăn, đến việc chăn nuôi gia súc gia cầm. Cho nên con cháu phải thờ cúng và rất xem trọng ma nhà. Đặc biệt khi bố mẹ đã chết, chủ nhà phải làm nghi lễ cúng cơm hằng ngày. Người Khơ Mú quan niệm rằng, mỗi người có ba hồn (*hmall*): một ở đầu, một ở tay và một ở chân, trong đó hồn đầu là quan trọng nhất. Khi bị ốm đau có nghĩa là hồn đã bị ma ám làm hại gây ra sinh bệnh và dẫn đến cái chết. Do đó, họ thường cúng để chữa bệnh. Người Khơ Mú chỉ có thể giải thích được rằng có sự “sống” sau khi chết, tuy nhiên cuộc sống của người chết sẽ ngược với đời sống của con người, nếu ngày là của ma thì đêm là của con người và ngược lại. Ở nơi đó, người chết cũng làm nương rẫy, mặc quần áo là vỏ cây, ở nhà đất, ăn than, vẫn lấy vợ, lấy chồng và cũng đẻ con cái². Ngoài ra, họ cũng cho rằng, nước của thế giới người quá cổ thường đục, con người thì bay lơ lửng, cũng có chim thú, cây cối nhưng hình dáng hoàn toàn khác lạ. Điều này cũng giống với quan niệm của người Thái ở Việt Nam về sự sống sau khi chết của con người. Điểm khác biệt rõ rệt nhất là người Thái giải thích rõ ràng sự sống của những người quá cổ trong một *đăm* (người chết cùng dòng họ), giữa các dòng họ trong các *đăm* lại được phân thành *đăm* cao, *đăm* thấp giống sự phân tầng trong xã hội Thái trước đây.

Trong việc thờ cúng tổ tiên, từ trước đến nay, người Khơ Mú vẫn bảo lưu vật tổ của dân tộc, dòng họ của mình và những nghi lễ liên

quan đến cúng vật tổ vẫn được bảo lưu khá nguyên vẹn và được thực hành trong các nghi lễ vật tổ. Họ tin rằng, những người cùng một dòng họ, có tổ tiên xa xưa là một động vật hay thực vật và xem họ như những người thân thích của mình. Do vậy, người Khơ Mú thường có tục kiêng ăn thịt hoặc giết những con vật tổ của mỗi dòng họ. Những người ăn vật tổ của dòng họ sẽ bị rụng răng, đau bụng, còn nếu sờ vào vật tổ thì sẽ bị tuột da tay. Trong những dịp lễ tết, người Khơ Mú có tục hóa trang giống những vật tổ. Chẳng hạn, đối với dòng họ *Tmoong*, họ bôi màu đen vào mặt giống như mặt con chồn; đối với dòng họ *Rvai*, họ sẽ vẽ lên mình những hình văn giống bộ lông của con hổ và khi họ gặp hổ hoặc báo bị chết họ phải khóc than như khi có người thân mất; còn với dòng họ *Om* thì gắn lông chim vào người, v.v... Mỗi dòng họ của người Khơ Mú đều có những sự tích gắn liền với tên từng dòng họ, về nguồn gốc của dòng họ và những kiêng kỵ mỗi khi tiến hành các nghi lễ thờ cúng tổ tiên. Hằng năm, trong dịp cúng gia tiên, mỗi gia đình người Khơ Mú tổ chức những nghi lễ lặp lại động tác của vật tổ của dòng họ mình như động tác của hổ vồ mồi, chim bay, hoặc mang những cây vật tổ đặt ở trong nhà hay chỗ cầu thang.

Theo phong tục truyền thống, mỗi dòng họ có một cách riêng để cúng tổ tiên của mình. Người ta dấu kín không cho người ngoài dòng họ và người khác tộc biết. Nghi lễ tôn giáo này còn được biểu hiện ở tập tục kiêng ăn tô tem vào ngày cúng tổ tiên là ngày Một tháng Giêng hằng năm. Mỗi dòng họ có một cách giải thích dòng họ của mình bằng một câu chuyện có tính chất huyền thoại và mong muốn khi về thế giới bên kia là về với tổ tiên. Tập tục mang ý nghĩa phồn thực, sinh sôi nảy nở ở người Khơ Mú rất nhiều: Tục thờ sinh thực khí, trồng khoai sọ trên rẫy lúa có quan niệm “có vợ có chồng”³, tục hai vợ chồng chủ nhà đến gieo hạt cùng ăn ngủ trên nhà tạm ở rẫy, trên bờ lúa có đặt thêm ít củ khoai sọ. Sở dĩ ở vùng người Khơ Mú lại rất xem trọng các loại củ quả trồng xen canh ở trên nương vì họ cho rằng khoai sọ cũng như bầu bí vốn thuộc về văn hóa rau củ, một nền văn hóa có trước văn hóa lúa nên lúa muốn sinh sôi nảy nở phải có sự tiếp xúc bằng loại hoa màu đã được trồng ở trên nương thời xa xưa. Từ đây, họ cho rằng khoai sọ là yếu tố *đực* và được xem là bạn tình của lúa - yếu tố *cái*. Việc bắt buộc phải trồng khoai sọ, sả, gừng ở trong ô vuông *mặt reọc*⁴

bên cạnh lều nương mang ý nghĩa tôn giáo với ngụ ý nó sẽ tác động hỗ trợ cho cây lúa nảy nở. Sau nghi lễ rước hồn lúa lên kho, sau đó mẹ lúa còn rước cả khoai sọ cùng lên kho. Ngoài ra, trong nghi lễ cúng hoa màu mỡ, người Khơ Mú còn bôi khoai sọ, bí vào người nhau, vẽ xôi vào tóc nhau... với ý muốn cho khoai sọ, bầu bí và lúa kết bạn với nhau. Hơn nữa, người Khơ Mú cũng cho rằng làm như vậy để cầu mong thóc lúa đầy bồ, cầu mong được ăn rơi ăn vãi khắp nơi.

Ở dòng họ *Rvai* (họ hổ), đang giữa đêm, người trưởng họ thức dậy đun nước sôi, mài dao để làm thịt lợn. Sau khi nước đã sôi, họ sẽ xuống bắt lợn làm thịt bằng lối cửa sổ. Cạo lông xong, cả nhà thức dậy chuẩn bị làm lễ cúng gia tiên. Khi tiến hành nghi lễ cúng tổ tiên, người Khơ Mú không chỉ di chuyển bằng chân mà còn dùng cả hai tay để bò, dùng mồm ừn và kéo lợn mô phỏng lại hành động hổ tha mồi. Khi họ kéo đồ cúng đến bếp thờ tổ tiên⁵, chủ nhà khẩn mời bố mẹ, ông bà tổ tiên, sau đó ông chủ nhà sẽ lấy tiết lợn bôi vào ông bếp và quẹt tiết vào từng thành viên trong gia đình. Sau đó thịt lợn sẽ được luộc chín và thái thành từng miếng để cho cả nhà cùng ăn ở trong bếp thiêng, người lạ không được phép vào trong. Trong quá trình ăn uống họ sẽ lặng lẽ ăn uống, không ai được cười nói. Ăn xong, chủ nhà cắm vài đóm củi (đã đập lửa), một ít xương và lông lợn vào vách cửa buồng ma.

Đối với họ *Ôm*, lại có hành động thờ cúng tổ tiên bằng cách bắt chước con *chim ôm chao* mình xuống chỗ ông bếp. Trong lúc đó dòng họ *Tva* (rau rón) lại cùng cả nhà đi bắt cá, sau đó đem về, gói rau rón với cá rồi mang vùi tro bếp. Khi cá chín họ mang ra cúng ma nhà sau đó cả nhà mới được phép ăn.

Người Khơ Mú quan niệm sau khi chết, con người sẽ về với thế giới bên ma *cuội ptê* cùng với ông bà, tổ tiên dòng họ của mình. Thế giới này nằm ở nghĩa địa của từng làng của người Khơ Mú. Nghĩa địa của người Khơ Mú thường cách làng một con sông, tượng trưng khi đưa thi thể của bố mẹ, người con trai trưởng phải đặt quan tài ở một máng nước. Con sông này được đồng bào gọi là *ôm ta khai*, nghĩa là sông ngăn cách giữa người sống và người chết. Tuy nhiên, người Khơ Mú lại không giải thích được rằng cuộc sống ở thế giới bên kia sẽ như thế nào và sự chi phối của họ với người sống như thế nào thì không ai giải thích được tường tận.

3.2. Nghi lễ cúng cầu sức khỏe

Cũng giống người Thái ở Nghệ An, người Khơ Mú ở huyện Kỳ Sơn cho rằng, cơ thể con người khỏe mạnh là có sự cân bằng giữa phần hồn và phần xác. Theo quan niệm cổ truyền của người Khơ Mú, mỗi người đều có ba hồn: một hồn ở đầu, một ở tay và một hồn ở chân, trong đó hồn ở đầu được xem là quan trọng nhất. Phần hồn giữ vai trò quan trọng, nó chi phối toàn bộ hoạt động tồn tại của con người. Nguyên nhân gây ra ốm đau, bệnh tật của con người là do sự không vững vàng của phần hồn, vía. Người Khơ Mú còn cho rằng, nguyên nhân gây ra bệnh tật có thể con người do làm trái với ma nhà, hồn vía bị các ma rừng, ma núi, ma gốc cây to bắt giữ. Nếu vì một loại ma nào đó quyến rũ bắt hồn đi thì con người sẽ bị ốm đau bệnh tật, trường hợp hồn bị bắt giữ lâu ngày sẽ dẫn đến cái chết. Do đó, mỗi khi người nhà bị ốm họ thường phải nhờ xem bói. Việc xem bói thường đơn giản, lễ vật chỉ có bát cơm, chai rượu, ít tiền và trầu cau. Có ba kiểu bói: bói áo, bói tướng và bói que. Chính vì vậy, việc tìm nguyên nhân gây ra bệnh tật cũng quan trọng như chu trình chẩn đoán, phân loại và cách chữa bệnh của y học hiện đại vậy. Nếu bị ma quyến rũ hay bị ma bắt giữ thì hồn không tự trở về với thân thể, hình hài, con người sẽ mất sự cân bằng mà sinh ra bệnh tật và có thể dẫn đến cái chết. Khi bị bệnh, muốn biết ma nào làm hại thì phải xem bói (bói trứng, bói que...). Việc bói này thường do *mo một* đảm nhiệm. Thầy bói tự xưng là người đại diện của *mo một*, có trách nhiệm liên hệ với các thần linh, ma quỷ; thông qua sự “giao tiếp” này họ sẽ biết được những yêu cầu từ ma quỷ rồi báo lại cho người nhà những lễ vật và những lễ nghi cần tiến hành. Người Khơ Mú rất kính trọng với các *mo một*, bởi vậy những ai được thầy làm lễ cúng hoặc dùng thuốc chữa khỏi bệnh thì những người đó phải nhận *mo một* làm người đỡ đầu, hằng năm sau vụ thu hoạch, họ đều mang lễ vật đến tạ ơn. Để ngăn ngừa bệnh tật, người Khơ Mú còn cho rằng có những vật có thể trừ tà ma thường gây ra bệnh tật cho con người. Bởi vậy, họ thường dùng các vật kỵ ma hay bùa phép như *taleo* (*the le*), các vật lạ như đá thiêng, miếng sắt đã được bùa phép... để hạn chế hoặc ngăn ngừa ma làm hại.

Sự mất cân bằng hay mất ổn định của hồn, vía sẽ gây ra ốm đau. Cơ thể khỏe mạnh khi các hồn, vía luôn khỏe mạnh, ở đúng vị trí và

làm tròn nhiệm vụ của mình. Nếu không có ổn định tức là giữa hồn vía không cân bằng, khi rơi vào tình trạng này cơ thể bị ốm đau, lúc đó thầy bói xem hồn, vía nào đã bị thất lạc. Sau đó thầy *mo* sẽ chỉ cho người nhà của bệnh nhân là hồn vía nào đã rời khỏi cơ thể, từ đó họ mới tìm ra cách để chữa trị hay cúng bằng cách nào để hồn, vía về với thể xác của người ốm. Nếu hồn, vía rời khỏi cơ thể quá lâu thì phải làm lễ *hông vắn* để gọi hồn, vía về với cơ thể. Trong trường hợp do ma bắt mất hồn, bệnh thường nặng hơn và phải chạy chữa nhiều hơn. Nếu hồn tự bỏ đi vào ban đêm thì bệnh sẽ nhẹ hơn và thường chỉ cần làm lễ gọi hồn trở về là bệnh sẽ khỏi. Còn bị ma bắt đặc biệt là ma ác, hung dữ giữ thì hồn thì phải làm lễ cúng lợn, trâu, bò, nghĩa là mua chuộc ma để nó thả hồn, vía về với thân xác của người ốm.

Người Khơ Mú ở huyện Kỳ Sơn cũng làm lễ bốc vía, lễ bốc vía được thực hiện nhiều lần cho một người. Họ có thể làm lễ cho người đi xa lâu ngày, bốc vía nhân dịp mừng tái ngộ, lúc gặp nhiều điều không may, tai nạn, phụ nữ sinh con hay cha mẹ về già (*hằng vắn thẫu*) để cho người già sống thọ, sống lâu với con cái. Tuy lý do có sự khác nhau nhưng tựu trung lại, mục đích của lễ bốc vía đều là cầu sức khỏe cho cả nam, phụ, lão, ấu... trong nhà.

3.3. Nghi lễ cúng ma thường luông (hôi prư đồng)

Là cư dân sinh sống ở vùng miền núi cao lấy sản xuất nương rẫy làm nguồn sống, hơn nữa lượng mưa hằng năm tại Kỳ Sơn khá thấp. Bởi vậy, người Khơ Mú nơi đây có nhiều tập quán, những nghi lễ độc đáo nhằm cầu mưa. Bản chất của nghi lễ cầu mưa chính là nghi lễ cúng *hôi prư đồng* (ma thường luông) của người Khơ Mú ở Nghệ An. Đối với họ, cầu mưa không chỉ là các hình thức bắt chước, diễn lại hiện tượng mưa rơi như vẩy nước, tuốt lá mà còn làm các điều xúi quẩy để chọc tức Trời, ma thường luông (tượng trưng cho nguồn nước, mưa gió giống quan niệm về rồng của người Kinh) hoặc ma hạn hán (*hroi nhan*) để các vị này bực tức mà làm mưa xuống.

Người Khơ Mú có thể lấy vỏ bưởi vút bừa bãi quanh nương, lấy nước ngâm măng, tro bếp phun vẩy vào chỗ linh thiêng của mảnh nương, vị trí này được họ gọi là (*knun hrệ*) có nghĩa là rốn nương. Nếu như phương pháp này không có hiệu quả thì họ mới tiến hành nghi lễ

cầu mưa. Theo quan niệm của người Khơ Mú, con thường luồng là biểu tượng cho ma nước, nguồn nước và mưa gió vì thế lễ cầu mưa này còn được gọi là *ru hùn ta prư đồng*, có nghĩa là nghi lễ kéo đuôi thường luồng. Nghi lễ này được tiến hành tại bên nước ở rìa bản, do một người đàn bà góa chủ trì với sự tham dự của một đám trẻ con. Họ sẽ đào một cái hố hình tròn trên mảnh đất cạnh suối, trên miệng được bịt một tấm mo cau, ở giữa đục một lỗ rồi cắm một lá cau tươi xuống tận đáy hố. Bà góa phụ kẹp lá cau vào giữa hai đùi, còn đám trẻ con thì dùng que gõ vào một tấm mo cau để nó phát ra tiếng kêu bung bung rồi đám trẻ vừa hò reo to, trong lúc đó bà góa phụ nhổ lá cau lên khỏi hố, rồi chạy xuống suối⁶. Vừa chạy, bà góa phụ vừa hò reo to là đã bắt được đuôi thường luồng rồi. Đám trẻ con cũng hò reo hưởng ứng rồi chúng chạy xuống suối té nước vào nhau, làm nước tung tóe khắp nơi, rồi hô to rằng: Mưa rồi! Mưa rồi! Sau đó, bà góa cùng đám trẻ con để nguyên quần áo ướt sũng đi về nhà với ngụ ý là do trời mưa nên quần áo bị ướt. Nghi lễ này kết thúc mang theo những mong muốn về một mùa nương rẫy mưa thuận gió hòa, mùa màng tốt tươi. Đây là một nghi lễ cầu mưa rất độc đáo của người Khơ Mú ở huyện Kỳ Sơn vẫn được đồng bào bảo lưu và thường xuyên tổ chức vào những năm hạn hán.

3.4. Tín ngưỡng nông nghiệp

Là cư dân nông nghiệp nên trong toàn bộ các khâu thao tác trên nương, ngoài việc phải bỏ sức lực con người, đồng bào Khơ Mú còn tin thành quả làm ra có sự trợ giúp của các thế lực siêu nhiên. Đây là nguồn gốc hình thành nhiều nghi lễ liên quan đến nông nghiệp có dịp nảy sinh và phổ biến trong các cư dân làm nông nghiệp, trong đó có người Khơ Mú ở huyện Kỳ Sơn. Nếu như việc thờ cúng ma trời, ma đất, ma bản, ma nương, thờ cúng tổ tiên dòng họ là nhằm củng cố quan hệ về mặt xã hội thì những nghi lễ có liên quan đến sản xuất và nhất là nghi lễ liên quan đến trồng trọt nhằm cầu xin cho thành quả lao động của con người đạt được như ý muốn. Trong thực tế, nhiều nghi lễ liên quan đến sản xuất của người Khơ Mú ở Nghệ An khá phong phú trong đó có nghi lễ tra hạt, cúng hồn lúa.

Nghi lễ tra hạt là một ngày lễ chung của cả làng. Sau khi nương rẫy đã phát, đốt và dọn sạch, cả bản bước vào chuẩn bị mùa trồng lúa, hoa màu. Theo tục lệ của bản, ông trưởng bản là người quy

định (trưởng bản được gọi là *khun cung*). Trưởng bản chọn ngày lành tháng tốt, mời cả bản đến miếu thờ của bản cúng thờ các vị thần: thần đất, thần nước, thần mưa, thần gió, thần bảo vệ... Đến dự nghi lễ, lễ vật của bản gồm: 1 con lợn 60-70kg, để lấy thủ cúng, ngoài ra còn có xôi, 1 vò rượu cần, 1 con gà, vài gói mọc. Mỗi gia đình đến đi lễ phải mang theo, ép xôi và 2 đến 3 gói mọc (người Khơ Mú gọi mọc là *xăng grông*). Mọc là một món ăn không thể thiếu của người Khơ Mú. Nguyên liệu để làm mọc gồm gạo tằm, sả, tiêu rừng, nấm nhỏ (người Khơ Mú gọi là *hết bì*) cùng các gia vị khác. Mọc có thể làm từ thịt gà, chim, cá, chuột, sóc, cua... cùng với các gia vị trên tạo ra một mùi vị hết sức hấp dẫn.

Các lễ vật được mang tập trung tại miếu thờ. Miếu thờ được làm bằng giàn tre, nứa, gỗ, nhỏ không giống như miếu thờ người Kinh. Miếu được đặt gần bản, vị trí của miếu ở đồi có thể núi, thể sông. Miếu thờ được gọi là *gang nê ên*. Đồ cúng ở miếu còn có các lễ vật khác, như: vải vóc, áo quần, váy, khăn, bạc nén, vòng cổ, vòng tay... Người ta làm một cái sào để vắt các thứ đồ vải lên sào, đồ trang sức để trên giàn thờ.

Ở miếu thờ của bản phải có thầy cúng chuyên cúng. Để tìm được thầy cúng, họ tìm và gọi tất cả những người già trong làng biết cúng đến miếu thờ của bản và họp nhau lại để chọn thầy cúng. Những người biết cúng của bản lần lượt cầm thanh tre, hoặc gỗ chẻ đôi ném xuống đất 6 lần, nếu thanh tre đổ 3 lần sấp, 3 lần ngửa có nghĩa là người đó được chọn làm thầy cúng cho dân bản.

Sau khi đã chuẩn bị đầy đủ đồ lễ, thầy cúng đặt coi trâu lên giàn thờ, thấp sấp ong rừng đặt lên coi trâu và kính cáo mời các vị thần nói trên đến. Khi các vị thần đã đến, thì thầy cúng tuyên bố lý do sắm sửa lễ vật hôm nay là cầu xin trời đất cho dân bản trồng trọt mùa màng bội thu. Câu đầu tiên của thầy cúng được cất lên:

“ăm ăm ca nê ma tut

ăm ăm xim ma tua”.

Có nghĩa là không cho lợn ăn gốc cây lúa, không cho chim ăn ngọn cây lúa, cầu xin cho lúa, ngô, sắn, khoai mọc tốt, không bị muông thú phá hoại, mưa thuận gió hòa, dân bản khỏe mạnh,... Sau khi cúng

xong, thầy cúng lấy thóc giồng vãi ra xung quanh miếu thờ, còn dân bản đứng xung quanh ngửa tay ra hứng, thầy cúng vãi thóc đến đâu và trúng vào người nào thì người đó hứng lấy từng đó, gói cẩn thận để lên rẫy tria.

Tiếp theo, ông chủ lễ lấy tiết gà, tiết lợn giọt vào rọ lúa giồng của từng gia đình và bôi tiết lợn, tiết gà vào bụi nhùi làm bằng tre của từng gia đình (mỗi gia đình một que) để đi cắm vào đỉnh rẫy của nhà mình. Sau khi các vị thần đã “ăn no nê” thì thầy cúng mời các vị thần về cung đình của mỗi thần nghỉ ngơi và phù hộ cho các chủ rẫy. Còn dân bản tiếp tục ăn uống no say, phần lễ vật các gia đình mang theo một phần để ăn tại miếu, một phần mang về nhà. Sau phần lễ là phần hội, ăn uống rượu cần múa hát tại miếu cho hết ngày thì kết thúc. Như vậy, có thể thấy nghi lễ thờ cúng *hrôi* của người Khơ Mú ở Nghệ An rất phong phú từ các nghi lễ trong gia đình đến sùng bái tự nhiên và các nghi lễ nông nghiệp đặc trưng.

4. Biến đổi về nghi lễ thờ cúng *hrôi*

Cho đến nay, những nghi lễ về thờ cúng *hrôi* vẫn được người Khơ Mú thực hành trong các nghi lễ tín ngưỡng mang dấu ấn bản sắc văn hóa tộc người. Nghi lễ thờ cúng *hrôi* được xem là một căn cước tạo nên bản sắc của người Khơ Mú. Tuy nhiên, cùng với thời gian, sự giao thoa, tiếp biến văn hóa đã làm cho các nghi lễ cũng có phần phai nhạt, biến đổi không ngừng. Những quan niệm truyền thống về *hrôi* của người Khơ Mú ở Nghệ An cho đến nay vẫn được lưu giữ tương đối nguyên vẹn. Họ vẫn tin rằng thế giới quan của họ có rất nhiều thế lực siêu nhiên cai quản, bao gồm: ma trời, ma đất là ma to nhất, tiếp đến là “*prư đồng*” - ma thường luông (*hrôi ôm*) và *rvai* - tinh của loài hổ, chúa tể núi rừng. Ngoài ra, trong quan niệm của người Khơ Mú còn có các loại ma làm hại, như: ma hoang, ma trẻ con, ma ở khe suối, ma dịch bệnh. Các loại ma làm hại hay tác động bất lợi cho con người. Vì vậy, đồng bào dùng các phương thuật: hơ lửa, vẩy nước bản, làm các vật kỵ ma... để ma không tác hại (Đặng Nghiêm Vạn và cộng sự, 1972: 115 - 120). *Hrôi Ivang* được quan niệm giống như ông Trời của người Kinh. *Hrôi ptê* - ma đất, là ma to nhất ở dưới đất, sau đến các ma khác: ma rừng, ma núi, ma rẫy, ma bản... Trong gia đình, người Khơ Mú quan niệm có ma nhà (*hrôi gang*) - ma do bố mẹ đã chết biến

thành và ma tổ tiên (*hroi tạ dạ*). Các ma này sẽ phù trợ dân bản khi được cúng lễ nên con người phải thờ cúng các ma trong đời sống sinh hoạt để cầu xin các ma che chở giúp đỡ họ làm rẫy, đi rừng, chăn nuôi và bảo vệ sức khỏe. Trong gia đình hiện nay, người Khơ Mú và nhiều tộc người thuộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khmer vẫn giữ tục thờ ma nhà.

Hiện nay, quan niệm về thế giới các *hroi* vẫn còn phổ biến trong cộng đồng. Chỉ có điều niềm tin trong đồng bào đã suy giảm. Đa số người dân thường đến trạm xá chữa bệnh và uống thuốc tây khi ốm đau. Ông Moong Phò Phuôn (70 tuổi) vừa là cán bộ Mặt trận nghỉ hưu của bản Na Nhu vừa là thầy cúng cho biết: “*Người Khơ Mú ta có nhiều ma lắm: ma đất, ma rừng, ma bản, ma rẫy... Chỗ nào cũng có ma trú ngụ. Nhưng bây giờ, nhờ được tuyên truyền và hiểu biết nên dân bản ít tin hơn trước. Họ chán thả gia súc cả vào rừng chỗ chôn người chết. Thanh niên lại càng ít tin. Họ tin vào cái thuốc Tây và khoa học kỹ thuật. Chính quyền và già làng, trưởng bản tích cực vận động nên việc cúng lễ giảm nhiều lắm. Vả lại người biết cúng chỉ còn ít thôi*”. Kết quả khảo sát của chúng tôi tại các địa bàn của huyện Kỳ Sơn cho thấy, tỉ lệ người già biết cúng ngày càng ít. Đây là một thực trạng chung của các dân tộc, trong đó có người Khơ Mú ở huyện Kỳ Sơn. Bởi vậy, các nghi lễ cúng bái dần vắng bóng, các bài cúng vẫn theo gót các vị cao niên ra đi trong lúc giới trẻ thờ ơ, ít được trao truyền.

Người Khơ Mú vẫn bảo lưu tín ngưỡng Tô tem giáo. Họ coi tổ tiên mỗi dòng họ có liên quan đặc biệt đến một loài động vật hay thực vật nào đó. Bà con gọi tô tem là *San tạ* và quan niệm giống như ông tổ của người Kinh. Các dòng họ đều có Tô tem mang tên một loài thú, chim hay cây cỏ. Mỗi họ thờ cúng Tô tem theo nghi thức riêng và kiêng ăn hoặc giết tô tem của mình. Hiện nay, các dòng họ người Khơ Mú đều có truyền thuyết kể về Tô tem của dòng họ. Chẳng hạn, Tô tem của họ Moong là con chồn, họ Lữ là con hổ, họ Ôốc, Ven là con chim, họ Cụt là một loại cây rừng gọi là cây Dún. Người Khơ Mú ở Tà Cạ rất kiêng kỵ Tô tem dòng họ. Trong dịp cúng ma bản, các gia đình đều cúng tổ tiên với những nghi thức và kiêng kỵ riêng của dòng họ. Một người dân nói: “*San tạ linh lắm, nếu ăn nhầm phải thịt của nó thì đau bụng và rụng răng sớm. Chẳng may sờ hoặc giẫm phải nó thì lóc da chân tay. Khi đi rừng không được săn bắn nó. Nếu chẳng may*

nó sập bẫy thì phải làm ma chôn cất như chôn người chết” (Moong Văn Sắc, 71 tuổi, Na Nhu). Một thanh niên cho biết: “*Bố mẹ ông bà kiêng và sợ san tạ của họ nhiều. Chúng tôi cũng tin nhưng không sợ lắm. Họ Moong nhà tôi thờ con chồn. Tôi không dám ăn nó nhưng nếu đi rừng gặp chồn tôi thường chỉ cho người khác để bắt*” (Moong Văn Quang, 31 tuổi, Bình Sơn 1). Theo Đặng Nghiêm Vạn (1972: 135-137), trong các ngày lễ tết, hội hè đồng bào có tục hóa trang thành Tô tem; tục ăn Tô tem khi hành lễ (họ Cụt)... Nhưng khi điên dã, chúng tôi thấy họ Cụt ở xã Tà Cạ không ăn Tô tem khi cúng lễ. Theo họ, cây dún - *san tạ* của họ Cụt không thể ăn được. Nhìn chung, tôn giáo tín ngưỡng của người Khơ Mú còn ở giai đoạn sơ khai, giai đoạn Hồn linh giáo và đa thần giáo. Quan niệm của họ về giới tự nhiên có nhiều nét tương đồng với các dân tộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khmer và ảnh hưởng của cả dân tộc Thái. Người Khơ Mú vẫn đang thực hành và tin vào việc cúng lễ và các ma thuật. Nhưng hiện nay, lớp trẻ đã suy giảm niềm tin vào các *hrôi* (ma). Nhiều người miền xuôi đã nhầm lẫn khi đồng nhất các *hrôi* theo thể giới quan của người Khơ Mú với ma theo nghĩa xấu của người Kinh dẫn đến việc bài xích, cấm đoán các nghi lễ tín ngưỡng của người Khơ Mú. Như vậy, có thể thấy những nghi lễ biến đổi khi điều kiện, hoàn cảnh và con người, môi trường thực hành các nghi lễ dần thay đổi. Bởi vậy, sự biến đổi của các nghi lễ thờ cúng *hrôi* của người Khơ Mú cũng gần như trở thành xu thế tất yếu trong bối cảnh như hiện nay.

Kết luận

Người Khơ Mú ở Nghệ An, sống tập trung tại huyện Kỳ Sơn, chiếm 65% tổng dân số người Khơ Mú trên toàn tỉnh. Trong đời sống tâm linh người Khơ Mú, *hrôi* có một vị trí rất quan trọng, nó chi phối đời sống tín ngưỡng của đồng bào. Quan niệm về *hrôi* gần giống quan niệm về “ma” của người Kinh hay “phi” của người Thái. Đồng bào cho rằng ma lành mang điều lành, còn ma dữ mang lại những tai ương, dịch bệnh. Tuy nhiên cả ma lành và ma dữ đều có thể mang lại điều dữ nếu con cháu thiếu sự tôn trọng dành cho *hrôi*. Bởi vậy, trong cuộc sống của đồng bào nghi lễ thờ cúng *hrôi* chiếm một vị trí quan trọng trong đời sống tâm linh và sinh hoạt tôn giáo, tín ngưỡng. Trong các nghi lễ thờ cúng *hrôi*, nghi lễ thờ ma nhà (*hrôi dạ*), ma rừng (*hrôi*

bri), *hrôi cung* (ma bản) và nghi lễ thờ cúng dòng họ có một vai trò quan trọng trong đời sống tâm linh của người Khơ Mú. Mỗi dòng họ có một nghi lễ thờ cúng và kiêng kỵ riêng được thực hành bởi các tộc trưởng và mang dấu ấn Tô tem giáo đậm nét. Nghi lễ thờ cúng tổ tiên được tiến hành một cách thần bí, người lạ không được tham dự, nghi lễ chỉ dành riêng cho những người trong gia đình. Thậm chí nghi lễ được tiến hành vào lúc nửa đêm, đặc biệt là các dòng họ có Tô tem là hổ (*Rvai*), như: họ Lữ, Lương và Lộc. Cho đến nay dù cuộc sống có nhiều thay đổi nhưng nghi lễ thờ cúng *hrôi* vẫn là sinh hoạt tín ngưỡng chính của người Khơ Mú ở tỉnh Nghệ An. /.

CHÚ THÍCH:

- 1 Kết quả điều tra dân số và nhà ở năm 2009.
- 2 Chu Thái Sơn, Vi Văn An (2006), *Người Khơ-mú*, Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh, tr. 91-92.
- 3 Đồng bào cho rằng khoai sọ là bạn tình của lúa.
- 4 Chủ nhà làm một mảnh nương tượng trưng gọi là *mặt reọc*. Mảnh nương được làm bằng cách cắm bốn que nửa làm thành hình cầu vồng tạo nên một ô vuông khoảng 2m². Trong ô vuông đó, họ dựng một cái cọc, trên đỉnh đặt một hòn đá. Sau đó, họ buộc một đoạn ống nửa được vót nhọn tượng trưng cho lưỡi giáo trừ tà. Giữa ống nửa, họ giắt ba que nửa vót nhọn gọi là *the le* bà góa. Phía dưới *the le*, người ta buộc một đoạn gỗ hình dương vật. Dưới chân cọc đặt một mảnh nước bằng nửa, cài lên đó vài ống nước nhỏ. Bốn góc ô vuông này được trồng bốn khóm sả, bốn gốc khoai sọ.
- 5 Người Khơ Mú ở Kỳ Sơn có 3 loại bếp, gồm: bếp thờ tổ tiên hay còn được gọi là bếp thiêng (bếp này khách lạ không được vào), bếp đặt giữa nhà và một bếp dùng để nấu ăn hằng ngày, với bếp này, họ có thể làm nhà bếp riêng ở dưới gầm sàn.
- 6 Chu Thái Sơn, Vi Văn An (2006), *Người Khơ-mú*, bdd, tr. 96.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Tất Chung, Phạm Quang Hoan, Moong Văn Nghệ, Cao Tiến Tấn, Nguyễn Ngọc Thanh, Vương Xuân Tình, Cẩm Trọng (1995), *Đặc trưng văn hóa và truyền thống cách mạng các dân tộc ở Kỳ Sơn, Nghệ An*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. Không Diễn (chủ biên, 1999), *Dân tộc Khơ Mú ở Việt Nam*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
3. Nguyễn Thị Thu Hoài (2016), “Nghi lễ và quan niệm nhân sinh trong lễ cúng sửa vía của người Thái Đen ở Mường Thanh, Điện Biên”, trong *Triết lý nhân sinh trong văn hóa Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 462.
4. Hoàng Lương (2005), *Văn hóa các dân tộc ở Tây Bắc Việt Nam*, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, Hà Nội.
5. Chu Thái Sơn, Vi Văn An (2006), *Người Khơ-mú*, Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.

6. Lương Văn Thiết (2017), *Tri thức dân gian của người Khơ Mú ở huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An*, Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam, Hà Nội.
7. Vũ Hồng Thuật (2015), “Câu chuyện làm mo của người Thái miền Tây Nghệ An”, *Hội thảo Quốc gia Thái học lần thứ VII*.
8. Nguyễn Văn Toàn (2005), *Định canh định cư và biến đổi kinh tế - xã hội của người Khơ Mú ở xã Tà Cạ, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An*, Luận văn Thạc sĩ Lịch sử, Hà Nội.
9. Đặng Nghiêm Vạn, Nguyễn Trúc Bình, Nguyễn Văn Huy, Thanh Thiên (1972), *Những nhóm dân tộc thuộc ngữ hệ Nam Á ở Tây Bắc Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

Abstract

CULT OF HRÔI OF THE KHMU IN KỶ SƠN DISTRICT, NGHỆ AN PROVINCE

Luong Van Thiet

Vietnam Museum of Ethnology, VASS

In this article, the author presents the concept, role and status of hrôi in the religious life of Khmu people in Nghệ An. According to Khmu people, all activities are governed by a supernatural power called hrôi. Hrôi is protective force for the descendants if the children respect and worship, it is also the force that causes illness if the descendants do not respect. Therefore, hrôi plays a crucial role in the life of the Khmu that governs all actions and ritual practices. Over time, the concept of hrôi has gradually changed along with the changes of socio-economic life. However, the worship of hrôi is still the main religious activity in the life of the Khmu. This article is intended to be an introduction to specific studies of the spiritual life and beliefs of the Khmu.

Keywords: Ritual; hrôi; Khmu people.